

Ngày soạn:

Bài 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ (11 TIẾT)

I. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

* Đọc:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: Không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện (ngôi thứ nhất, ngôi thứ ba), sự thay đổi điểm nhìn, sự kết nối giữa người kể chuyện và lời nhân vật.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Nhận biết được các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có định hướng vận dụng phù hợp hiệu quả.

* Viết: Viết được văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả.

* Nói và nghe: Biết thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

2. Về năng lực:

* **Năng lực chung:** Năng lực tiếp nhận; Năng lực tự nhận thức; Hợp tác, trao đổi; Tạo lập; Giao tiếp và hợp tác; Tự chủ và tự học; Đánh giá. Tư duy phản biện; Giải quyết vấn đề,...

* **Năng lực đặc thù:**

- Năng lực thẩm mĩ; Năng lực ngôn ngữ; Năng lực đọc – hiểu;

3. Về phẩm chất: Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương.

II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT ...: VĂN BẢN 1

VỢ NHẶT (KIM LÂN)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

a. Về năng lực chung: Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

b. Năng lực đặc thù

- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa nhan đề và nội dung câu chuyện
- Học sinh xác định và nêu được ý nghĩa tình huống truyện
- Học sinh xác định trình tự kể truyện và bố cục của văn bản
- Học sinh phân tích sự thay đổi của các nhân vật từ khía cạnh điểm nhìn, lời kể và giọng điệu
- Học sinh nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm
- Học sinh viết được đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về một thông điệp ý nghĩa trong văn bản

2. Về phẩm chất:

- Học sinh có thêm sự đồng cảm với con người trong nạn đói, tiếp thêm hi vọng ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau,...
- Học sinh có niềm tin tưởng, lạc quan biết vượt qua những khó khăn thử thách, hướng về tương lai

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. **Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. **Thiết bị:** Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu hoạt động:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung thực hiện:**

❖ GV chiếu video về nạn đói năm Ất Dậu (1945) và gợi dẫn: Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945)

❖ Link: https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I

c. **Sản phẩm**

d. **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập ❖ GV chiếu video về nạn đói năm Ất Dậu (1945) và gợi dẫn: Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) ❖ Link: https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và chia sẻ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Chia sẻ của HS Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt ý và dẫn dắt vào bài học.	GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS ⇒ Dẫn dắt vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Nội dung 1: TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VẦN

a. **Mục tiêu:**

b. **Nội dung thực hiện:** GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn, thực hiện phiếu học tập, thảo luận nhóm

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS trao đổi với nhau về phần Tri thức ngữ văn trong SGK để nêu những hiểu biết về thể loại. GV giúp HS tổ chức buổi tọa đàm với chủ đề: <i>Vẻ đẹp của truyện ngắn hiện đại</i>	A. TRI THỨC NGŨ VẦN 1. Truyện ngắn hiện đại Truyện ngắn hiện đại là thể loại tự sự cỡ nhỏ, ở đó, sự ngắn gọn được nhìn nhận là một đặc trưng nổi bật, phản ánh nét riêng của tư duy thể loại. Truyện ngắn thường chỉ xoay quanh một, hai tình huống diễn ra trong khoảng thời gian, không gian hạn chế. Tuy nhiên, những lát cắt đời sống này lại giàu sức khơi gợi, có khả năng gây ấn tượng mạnh đối với người đọc, Do dung lượng bị giới hạn, truyện ngắn đòi hỏi sự chặt

* Chia nhóm nhỏ và giao nhiệm vụ:

Nhóm 1:

GV trực tiếp hướng dẫn để nhóm MC thiết kế bộ câu hỏi về truyện ngắn hiện đại

Nhóm 2:

Tìm câu chuyện và truyện kể để kể lại theo trí nhớ

Nhóm 3:

Chuẩn bị các tri thức về điểm nhìn trong truyện kể

Nhóm 4:

Chuẩn bị các tri thức lời người kể chuyện và lời nhân vật

Nhóm 5:

Chuẩn bị các tri thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

Dự kiến bộ câu hỏi và phân hướng:

? Chọn kể một truyện hiện đại mà bạn yêu thích.

? Tìm và kể lại một câu chuyện hiện đại mà em đã từng đọc.

? Điểm nhìn trong truyện kể là gì? Các câu chuyện kể có thể được nhìn theo những điểm nhìn nào.

? Trong truyện hiện đại lời người kể chuyện và lời nhân vật được xác định bằng cách nào?

? Phân biệt ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết? Lấy ví dụ về ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trong cuộc sống hàng ngày mà em biết

Bước 2. Tổ chức tọa đàm theo nhiệm vụ đã phân công

Bước 3. Các nhóm bổ sung, hoàn thành phiếu

lọc, dồn nén của các chi tiết và việc vận dụng các bút pháp chấm phá trong trần thuật.

2. Câu chuyện và truyện kể

- Câu chuyện (còn có thể gọi là truyện gốc) là nội dung của tác phẩm tự sự bao gồm nhân vật, bối cảnh và sự kiện được sắp xếp theo trật tự thời gian. Truyện kể gắn liền với câu chuyện nhưng không đồng nhất: nó bao gồm các sự kiện được tổ chức theo mạch kể của văn bản tự sự, gắn liền với vai trò của người kể chuyện, hệ thống điểm nhìn là chú ý đến cách câu chuyện kể tức là chú ý đến cách câu chuyện được kể như thế nào.

3. Điểm nhìn trong truyện kể

- Để câu chuyện được kể ra, nhất thiết phải có người kể chuyện (tức người biết, nhìn thấy và kể lại câu chuyện ấy). Người kể chuyện bao giờ cũng kể chuyện từ điểm nhìn nhất định, được hiểu là vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá.

- Có thể phân chia điểm nhìn trong tác phẩm tự sự thành nhiều thể loại khác nhau như: điểm nhìn của người kể chuyện và điểm nhìn của nhân vật được kể; điểm nhìn bên ngoài (miêu tả sự vật, con người ở những bình diện ngoại hiện, kể về những điều mà nhân vật không biết) và điểm nhìn bên trong (kể và tả xuyên qua cảm nhận, ý thức của nhân vật); điểm nhìn không gian (nhìn xa – nhìn gần) và điểm nhìn thời gian (nhìn từ thời điểm hiện tại, miêu tả sự việc như nó đang diễn ra hay nhìn lại quá khứ, kể lại qua lăng kính hồi ức,...) Điểm nhìn còn mang tính tâm lí, tư tưởng, gắn liền với vai kể của người kể chuyện hoặc hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật.

- Câu chuyện được kể có thể được kể có thể gắn với một điểm nhìn thấu suốt mọi sự việc, một quan điểm, một cách đánh giá mang tính định hướng cho người đọc. Nhưng có thể câu chuyện được kể từ nhiều điểm nhìn, gắn với nhiều quan điểm, cách đánh giá khác nhau, thậm chí đối lập nhau, xoay quanh sự việc hay nhân vật. Điều này tạo nên tính đối thoại của tác phẩm đặt người đọc vào một vai trò chủ động, tích cực hơn trong việc diễn giải và đánh giá.

4. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Lời người kể chuyện và lời nhân vật là những yếu tố cấu thành lời văn và nghệ thuật của văn bản tự sự.

- Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể, điểm nhìn, ý thức và giọng điệu của người kể chuyện. Chức năng của nó là miêu tả, trần thuật, đưa ra những phán đoán, đánh giá đối với đối tượng miêu tả, trần thuật cũng như định hướng việc hình dung, theo dõi mạch kể của người đọc. Trong khi đó, lời nhân vật là ngôn ngữ độc thoại hay đối thoại gắn với ý thức, quan điểm, giọng điệu của chính nhân vật.

- Trong văn bản tự sự, đặc biệt ở các thể loại tự sự hiện đại, lời người kể chuyện và lời nhân vật có khả năng kết nối, cộng hưởng, giao thoa với nhau tạo nên một số hiện tượng đặc biệt về lời văn như lời nửa trực tiếp (lời của người kể chuyện như

học tập về thể loại truyện hiện đại GV kiểm tra phiếu học tập sau tiết học. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện - GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	tái hiện ý thức, giọng điệu của nhân vật), lời độc thoại nội tâm (tái hiện lời nói bên trong nhân vật), lời nhại (lời mô phỏng quan điểm, ý thức của nhân vật với chủ ý mỉa mai hay bông đùa,...) 5. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết - Ngôn ngữ nói (còn gọi là khẩu ngữ) là ngôn ngữ âm thanh được tiếp nhận bằng thính giác. Ngôn ngữ nói gắn liền với hoạt động giao tiếp của con người trong đời sống thường nhật như trò chuyện ở gia đình, nhà trường, nhà máy, công sở,...; phát biểu giờ học, cuộc họp, hội thảo; trao đổi khi mua bán ở chợ, siêu thị;... - Trong một số trường hợp đặc biệt, ngôn ngữ nói cũng xuất hiện dưới hình thức văn bản viết. Ví dụ: tin nhắn qua điện thoại hoặc qua các ứng dụng trên mạng xã hội, văn bản bóc băng ghi âm một cuộc phỏng vấn hay lời khai,... Những đoạn hội thoại giữa các nhân vật trong tác phẩm truyện thực chất là ngôn ngữ viết mô phỏng ngôn ngữ nói. Ở đây ngôn ngữ nói được tái tạo, nghệ thuật hoá nhằm thực hiện chức năng thẩm mỹ, không còn là ngôn ngữ nói đích thực, “nguyên dạng”. - Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ được thể hiện bằng chữ viết, được dùng trong sách báo, văn bản hành chính, thư từ,... Ngôn ngữ viết tồn tại trong các văn bản xuất hiện dưới nhiều hình thức vật thể khác nhau: bản viết tay, bản đánh máy, bản in, bản chữ nổi dành cho người khiếm thị,... - Có những văn bản viết mà nội dung thông tin được truyền tải bằng âm thanh, chẳng hạn bài diễn văn, bản tin trên truyền hình,... Tuy các văn bản này được tiếp nhận bằng thính giác, nhưng ngôn ngữ trong đó vẫn mang đầy đủ đặc điểm của ngôn ngữ viết.
---	---

Nội dung 2: TÌM HIỂU VĂN BẢN “VỢ NHẬT”

*** Tìm hiểu khái quát**

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để:

- HS trình bày được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp, phong cách sáng tác của tác giả Kim Lân và quá trình sáng tác truyện ngắn *Vợ nhặt*.
- HS tóm tắt được tác phẩm, nội dung của đoạn trích.
- Học sinh phân tích được mối liên hệ giữa nhan đề và nội dung câu chuyện
- Học sinh xác định và nêu được ý nghĩa tình huống truyện
- Học sinh xác định trình tự kể truyện và bố cục của văn bản

b. Nội dung

- HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm...

c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Sản phẩm giới thiệu về tác giả, tác phẩm (video, sơ đồ tư duy, power point,...)

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
2.1 Đọc văn bản và tìm hiểu chung	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Đọc văn bản và suy ngẫm, GV phát vấn + <i>Một số hiểu biết của em về tác giả?</i> + <i>Nhan đề văn bản với nội dung câu chuyện và hoàn cảnh ra đời (Gợi ý: Quan điểm của Kim Lân khi sáng tác truyện ngắn này)</i> + <i>Tình huống truyện có gì đặc sắc</i> + <i>Trình tự kể và bố cục của truyện.</i> Thời gian: 35ph Chia sẻ và thảo luận: 10ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc kĩ văn bản - HS suy ngẫm các câu hỏi - Dựa vào gợi ý của GV – HS trả lời câu hỏi và thảo luận Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	Kim Lân (1920 – 2007) - Tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài - Quê quán: Bắc Ninh - Là cây bút chuyên viết truyện ngắn - Thế giới nghệ thuật của ông chủ yếu tập trung ở khung cảnh nông thôn và hình tượng người nông dân. Ông am hiểu sâu sắc cảnh ngộ và tâm lí của những người nông dân nghèo, rất gần gũi với sinh hoạt của ông – những con người gắn bó tha thiết với quê hương và cách mạng 2. Tác phẩm a. Nhan đề và mối liên hệ với nội dung, hoàn cảnh ra đời - Hoàn cảnh ra đời: Truyện ngắn “Vợ nhặt” có tiền thân là tiểu thuyết “Xóm ngụ cư”. Cuốn tiểu thuyết được viết ngay sau khi CMT8 thành công nhưng còn dang dở, sau đó bị lạc mất bản thảo trong kháng chiến chống Pháp. Sau khi hoà bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn “Vợ nhặt”. + Tác phẩm được in trong tập “Con chó xấu xí” (1962). - Nội dung: Truyện viết về bối cảnh nạn đói năm 1945. Câu chuyện xoay quanh một gia đình nghèo với nhân vật anh cu Tràng, bà cụ Tứ, nhân vật “thị”. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng ở tương lai. - Nhan đề: + “Vợ nhặt” là một nhan đề độc đáo, phù hợp với tình huống truyện. Kim Lân đã kết hợp hai khái niệm trái ngược nhau: Chuyện lấy chồng gả vợ - chuyện hệ trọng của đời người - với việc “nhặt nhanh, lượm lặt” được một cách tình cờ, vu vơ... + Qua nghịch lí ấy, người đọc sẽ cảm thấy tò mò bởi nhan đề và đặc biệt còn cảm thấy xót xa cho thân phận con người, nhưng cũng từ đó xúc động vì tình người mà những người nông dân dành cho nhau trong hoàn cảnh khốn cùng; xúc động vì vẻ đẹp tâm hồn, vì khát khao yêu thương và trân trọng hạnh phúc của họ MỐI LIÊN HỆ: 1. Nạn đói – Khổ đau tận cùng của con người, đến việc ma chay, cưới hỏi là việc quan trọng vậy mà phải dùng từ “nhặt” là việc tạm bợ, vô thức, không có giá trị trân trọng □ Nỗi khổ của con người trong nạn đói 2. Đồng cảm, xót xa cho số phận con người 3. Xúc động và trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát khao tin tưởng sống của những con người trong nạn đói b. Tình huống truyện - Tình huống là yếu tố làm nảy sinh ra truyện; là thành phần cốt lõi để từ đó các sự việc, chi tiết trong truyện được phát triển; bản chất của tình huống là nhằm nảy sinh những mâu thuẫn và cách nhà văn hướng tới giải quyết tình huống chính là giải quyết những mâu thuẫn - Tình huống trong truyện: Anh cu Tràng xấu xí, thô kệch, nghèo xơ xác, lại là dân ngụ cư không ai thèm lấy, trong thảm cảnh đói khát đang hoành hành dữ dội, bỗng nhiên “nhặt” được vợ một cách thật dễ dàng, nhanh chóng, ở giữa chợ chỉ nhờ “bốn bát bánh đúc” đã gây nên sự ngạc nhiên, thương cảm đến xót xa trong lòng người đọc
---	---

	- Tình huống nhìn bề ngoài tưởng như đơn giản nhưng lại chứa đầy những mâu thuẫn, xung đột gay gắt hiểm có bên trong. Tình huống bị thâm cùoi ra nước mắt; vừa lạ, vừa hết sức éo le, độc đáo; vừa thâm đậm tình người vừa hấp dẫn, lôi cuốn người đọc - Đó là sự kết hợp nghịch lí đến mức vô lí : giữa một đám cưới// với một nạn đói khủng khiếp; một sự kiện trọng đại của đời người// với một hành động “nhật” rất giản đơn; một niềm vui hạnh phúc lứa đôi// với một tai hoạ khủng khiếp của dân tộc. Khiến người đọc tự đặt ra câu hỏi: Liệu có hạnh phúc nào được đặt trên nền của đói khát, tai hoạ? Ý nghĩa: • Phán ánh số phận rẻ rúng, bọt bèo của con người trong nạn đói năm 1945 • Gián tiếp lên án tội ác của thực dân, của phát xít và tầng lớp phong kiến đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 khiến số phận con người bọt bèo như cỏ rác • Ca ngợi sự đùm bọc, chở che, đạo lí, tình cảm yêu thương của con người với con người trong nạn đói “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”. Tình cảm ấy được thể hiện rõ qua thái độ của Tràng và bà cụ Tứ với cô vợ nhật • Thể hiện thái độ của nhà văn Kim Lân: trân trọng trước niềm khát khao sống và khát khao hạnh phúc của con người trong nạn đói. Dù trong hoàn cảnh bi thảm đến đâu, con người vẫn hướng về sự sống, hướng về ánh sáng, vẫn tin tưởng, lạc quan, hi vọng vào tương lai c. Trật tự kể và bố cục Trật tự kể theo trình tự thời gian, có thể chia làm hai phần để thấy được sự thay đổi của các nhân vật 1. Từ đầu đến “u thương quá...”: Tràng nhật vợ và thị theo Tràng về nhà ra mắt 2. Còn lại: Sự thay đổi của các nhân vật vào buổi sáng ngày hôm sau.
--	--

*Khám phá văn bản

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn để:

- Học sinh phân tích sự thay đổi của các nhân vật từ khía cạnh điểm nhìn, lời kể và giọng điệu
- Học sinh nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng câu tác phẩm
- Học sinh viết được đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ về một thông điệp ý nghĩa trong văn bản

b. Nội dung thực hiện:

GV triển khai tìm hiểu văn bản qua các hình thức: phát vấn, thực hiện phiếu học tập, thảo luận nhóm

c. Sản phẩm

- Phiếu học tập nhóm
- Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
2.2 Hình tượng nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	II. Khám phá văn bản 1. Hình tượng các nhân vật qua điểm nhìn, lời kể và giọng điệu a. Sự thay đổi của các nhân vật theo trình tự của câu chuyện NHÂN VẬT TRÀNG <table border="1"> <tr> <td>Trước</td><td>Sau</td></tr> </table>	Trước	Sau
Trước	Sau		

GV chia lớp thành các nhóm (đôi hoặc nhóm lớn) hoàn thành phiếu học tập hoặc thực hiện sơ đồ tư duy theo câu hỏi gợi dẫn để tìm hiểu nhân vật qua trật tự kể và qua lời người kể chuyện

***Qua trật tự kể: Trước và Sau khi Tràng nhật vợ**

+ Trước khi nhật vợ Tràng là người thế nào? (Lưu ý về ngoại hình, hoàn cảnh sống). Sau khi nhật vợ Tràng đã có những thay đổi ra sao?

+ Trước khi theo Tràng về nhà, cô vợ nhật hiện lên với ngoại hình ra sao? Hành động có gì đáng chú ý? Sau khi theo Tràng về nhà cô vợ nhật hiện lên là người như thế nào?

+ Trước khi Tràng đưa vợ về bà cụ Tứ là người mẹ ra sao? Sau khi con trai giới thiệu người vợ và chấp nhận có con dâu mới, bà cụ Tứ có những suy nghĩ và tâm trạng gì?

***Qua lời người kể chuyện: Lời kể, điểm nhìn và giọng điệu**

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của Tràng vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của cô vợ nhật vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ Người kể chuyện thể hiện sự thay đổi của bà cụ Tứ vào sáng hôm sau bằng lời kể thế nào? Điểm nhìn từ đâu? Giọng điệu có gì đặc biệt?

+ **Qua đó, ta thấy được điều gì đáng chú ý trong cách kể**

Nghèo khổ, xấu xí, thô kệch, sống với một người mẹ già nua. Không thể lấy được vợ.

=> Tràng điển hình cho số phận bi thảm của người nông dân dưới chế độ cũ.

- Bần khổ, lo lắng
- Tràng như đổi khác: Biết yêu thương, trọng nghĩa tình; có ý thức trách nhiệm; cảm nhận và hạnh phúc trước cuộc sống mới trong ngôi nhà của mình; khát khao hạnh phúc; có niềm tin hướng đến một tương lai tươi sáng.

NHÂN VẬT CÔ VỢ NHẬT

Trước	Sau
- Một thân phận người khổ đau, bất hạnh: Không tên tuổi, không quê quán; Xộc xệch về nhân hình, nhân tính hề quen biết, chị ta lập tức bám theo, liều lĩnh đến mức đáng sợ.	- Một con người giàu khát vọng sống; biết đón nhận và quý trọng tình yêu thương; tìm thấy niềm vui hạnh phúc bên gia đình; đôn hậu, dịu dàng trở lại; thổi một luồng sinh khí mới vào cuộc sống gia đình và thắp sáng cho họ niềm tin, hi vọng vào một tương lai

NHÂN VẬT BÀ CỤ TỨ

Trước	Sau
- Là dân ngụ cư; gia đình nghèo khó. - Già nua, ốm yếu nhưng vẫn nặng gánh mưu sinh. “lọng khọng đi vào ngõ, vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì trong miệng”, khuôn mặt thì búng beo u ám như vỏ quả chanh.	- Khi biết Tràng có vợ: ngạc nhiên, tâm trạng vừa đau đớn, tủi cực, xót xa xen lẫn vui mừng - Sau khi Tràng có vợ: Khuôn mặt rạng rỡ hẳn lên, cùng con dâu dọn dẹp nhà cửa, dặn dò các con và có niềm tin vào tương lai, dự cảm đổi đời.

b. Sự thay đổi của các nhân vật qua lời kể của người kể chuyện (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu)

* Điểm nhìn	Tràng	thị	Bà cụ Tứ
Trước	Bên ngoài (Hình dáng, tính cách, lời nói ngôn ngữ và hoàn cảnh sống)	Bên ngoài (Hình dạng, tính cách, cách nói chuyện)	Bên ngoài (lời nói) và Bên trong (suy nghĩ, cảm xúc dành cho đứa con)
Sau	Bên trong – kết hợp bên ngoài (Suy nghĩ, cảm xúc tâm trạng, lời nói với cô vợ và người mẹ, suy nghĩ và cảm xúc vào buổi sáng ngày hôm sau)	Bên ngoài kết hợp (Hành động, nét mặt, biểu hiện qua những chi tiết nhỏ trên gương mặt)	Bên ngoài (Lời nói và hành động)

Điểm nhìn toàn tri

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Lời kể	Tràng	thị	Bà cụ Tứ
	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Hắn nghĩ bụng: “Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ”) - Lời độc thoại nội tâm (Người ta có gặp bước khó.... có vợ được)	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài)	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi)

* Giọng điệu	- Mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chất lọc kỹ lưỡng, có sức gợi đáng kể - Diễn tả chân thật từng ánh mắt, cử chỉ và nội tâm của nhân vật
----------------------------	---

- Lòng nhân hậu, tình cảm yêu thương vị tha, niềm khát khao sống, khát khao hạnh phúc và niềm tin mãnh liệt vào một tương lai

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn vợ nhặt Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện bài làm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt ý theo bài làm của HS	Bài làm tham khảo Truyện ngắn “Vợ nhặt” của nhà văn Kim Lân là một bài học về tình yêu thương giữa người với người đối với mỗi chúng ta. Tình yêu thương có vô vàn hình trạng, nó như một viên đá ngũ sắc lung linh. Tuy nó vô hình nhưng lại hữu hình, luôn xuất hiện vào cuộc sống hằng ngày. Tình yêu thương giống như một chiếc túi khổng lồ mà nhân loại không định nghĩa được. Nó trừu tượng đến mức khó hiểu. Nhìn đứa trẻ mồ côi nằm ở hàng ghế đá, nhìn cụ già đang mon men đi xin ăn, nhìn người dân miền trung đang chịu những cơn bão, người thì bị chết, gia đình li tán, của cải mất mát.....chúng ta cảm thấy sao xót xa, sao đau lòng quá. Tình yêu thương chính là sự lo lắng cho người với người, dù chưa từng gặp mặt, dù chỉ là sự lướt quá, nhưng trái tim con người là thế, tình yêu thương là vô tận. Và rồi, vì yêu vì thương chúng ta sẵn sàng giúp đỡ, bỏ tâm huyết chăm lo xây dựng các nhà tình thương tình nghĩa, để bao bọc các em nhỏ mồ côi, để cho các cụ già neo đơn có một mái nhà, để những người tàn tật, những trẻ em bị mắc bệnh hiểm nghèo có thể được chữa trị,... Dù là âm thầm giúp đỡ, hay công khai giúp đỡ, họ đều không cần mọi người biết đến, không cần mọi người tuyên dương, ghi danh. Chỉ cần nơi nào có tình yêu thương, nơi ấy thật ấm áp, và hạnh phúc.(Vietjack.com)
---	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, LIÊN HỆ

a. Mục tiêu hoạt động: Học sinh vận dụng liên hệ về tình thân lạc quan, ý chí tin tưởng vào tương lai và vượt qua khó khăn trong cuộc sống; hoặc chủ đề về tình yêu thương con người,...

b. Nội dung thực hiện:

GV đưa vấn đề: Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Hãy nêu và phân tích quan điểm của em về điều này? Tìm một ví dụ khác về sự lạc quan tin tưởng trong cuộc sống ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau.

c. Sản phẩm

- Bài viết sáng tạo, trình chiếu của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập GV đưa vấn đề: Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Hãy nêu và phân tích quan điểm của em về điều này? Tìm một ví dụ khác về sự lạc quan tin tưởng trong cuộc sống ngay cả trong hoàn cảnh khổ đau. Thời gian: 15ph Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh suy nghĩ và trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV sử dụng linh hoạt phần trả lời của HS Có thể tham khảo gợi ý sau: - Có thể xem truyện ngắn Vợ nhặt là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói bởi: - Câu chuyện trong truyện ngắn “Vợ nhặt” có motip giống với truyện cổ tích, đám cưới của Tràng với thị cũng được coi là đám cưới cổ tích. + Giữa cái cảnh đói kém, khi mà bản thân còn lo chưa xong nhưng vẫn ánh lên tình thương giữa người với người trong hoàn cảnh khốn cùng ấy. Tràng và bà cụ Tứ sẵn sàng đèo bồng thêm một người vợ nhặt, thị cũng sẵn sàng theo không Tràng về làm vợ. Khát vọng hạnh phúc gia đình lớn lao hơn những nhu cầu cuộc sống tầm thường. + Chuyện kết thúc bằng một chi tiết “sáng” mở ra một tương lai mới cho các nhân vật (hình ảnh phá kho thóc Nhật, đoàn người đi trên đê và lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới). - HS tìm thêm những tấm gương.

4. Cũng cố

5. Hướng dẫn về nhà

Phụ lục 1. Phiếu học tập nhóm tìm hiểu nhân vật

Nhân vật	Trước	Sau
Tràng		
Thị		
Bà cụ Tứ		

Phụ lục 2. II. 1. b. Sự thay đổi của các nhân vật qua lời kể của người kể chuyện (điểm nhìn, lời kể và giọng điệu)

Người kể chuyện	Nhân vật Tràng	Nhân vật thị	Nhân vật bà cụ Tứ
Điểm nhìn	*Trước khi nhặt vợ: Bên ngoài (Hình dáng, tính cách, lời nói ngôn ngữ và hoàn cảnh sống) *Sau khi nhặt vợ: Bên trong – kết hợp bên ngoài (Suy nghĩ, cảm xúc tâm trạng, lời nói với cô vợ và người mẹ, suy nghĩ và cảm xúc vào buổi sáng ngày hôm sau)	*Trước khi theo Tràng: Bên ngoài (Hình dáng, tính cách, cách nói chuyện) *Sau khi theo Tràng và buổi sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Hành động, nét mặt, biểu hiện qua những chi tiết nhỏ trên gương mặt)	*Khi Tràng vừa đi Thị về: Bên ngoài (lời nói) và Bên trong (suy nghĩ, cảm xúc dành cho đứa con) *Sáng ngày hôm sau: Bên ngoài (Lời nói và hành động)
Lời kể	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Hắn nghĩ bụng: “<i>Quái sao nó lại buồn thế nhỉ?... Ồ sao nó lại buồn thế nhỉ</i>”) - Lời độc thoại nội tâm (Người ta có gặp bước khó.... có vợ được) - Lời nhại (có khối cơm trắng mấy giò đấy),...	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Thị đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô lên, nén một tiếng thở dài)	- Lời tái hiện ý thức và giọng điệu nhân vật (Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi)
Giọng điệu	- Mộc mạc, giản dị. Ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, nhưng có sự chặt chẽ, có sức gợi đáng kể - Diễn tả chân thật từng ánh mắt, cử chỉ và nội tâm của nhân vật		

Phụ lục 3. Rubric thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm TỔNG			

Phụ lục 4. Rubric chấm bài viết kết nối với đọc

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm	2 điểm Bài làm tương đối đầy đủ, chìn chu	3 điểm

	Bài làm còn sơ sài, trình bày câu thả Sai lỗi chính tả Sai kết cấu đoạn	Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả	Bài làm tương đối đầy đủ, chín chu Trình bày cẩn thận Chuẩn kết cấu đoạn Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (7 điểm)	1 – 4 điểm Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	5 – 6 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	7 điểm Nội dung đúng, đủ và trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Điểm			
TỔNG			

Tiết - VĂN BẢN 2

CHÍ PHÈO
(Nam Cao)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số thông tin về tác giả, tác phẩm.
- Cảm nhận, phân tích được bản chất của cuộc đời nhân vật Chí Phèo
- Nhận biết và phân tích được giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực trong tác phẩm.
- Xác định được ngôn ngữ trần thuật; điểm nhìn; chi tiết đặc sắc; diễn biến tâm lí của nhân vật.

2. Về năng lực

- Học sinh vận dụng năng lực ngôn ngữ và cảm thụ văn học để đọc hiểu văn bản truyện.
- Học sinh vận dụng năng lực viết để thực hành viết đoạn văn kết nối với phần đọc.

3. Về phẩm chất

Học sinh biết đồng cảm với những số phận bất hạnh, trân trọng các nỗ lực giữ gìn nhân tính, phẩm giá khi con người đối diện với hoàn cảnh sống bi đát.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị dạy học:** Máy chiếu, bảng, bút màu, giấy A0...

2. **Học liệu:** SGK, SGV, phiếu học tập....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

- Tình huống truyện là gì?
- Xác định tình huống truyện trong tác phẩm “Vợ nhặt”?
- Tình huống truyện trong tác phẩm “Vợ nhặt” có ý nghĩa như thế nào?

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** tạo tâm thế thoải mái, tích cực và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.

b. Nội dung:

- GV đặt câu hỏi về những từ mang tính chất châm biếm thể hiện sự cùng đau khổ của con người lại xuất hiện ở một người, bị áp đặt bởi những định kiến xã hội.
- HS theo dõi và đưa ra cách hiểu của mình

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Em hãy ghi lại cách hiểu của em về những từ sau: - tha hóa - con quỷ - cô lập - mò côi - bần cùng ? Nhận xét ý nghĩa chung của chúng	Các từ ngữ đã cho mang tính chất châm biếm, thể hiện sự tột cùng đau khổ của con người lại xuất hiện ở một người, bị áp đặt bởi những định kiến xã hội.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh theo dõi và đưa ra cách hiểu của mình về các từ ngữ đã cho	
B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh trả lời cá nhân	

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt ý và dẫn dắt vào bài

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát****a. Mục tiêu:** HS nêu và nắm được một số thông tin về tác giả, tác phẩm**b. Nội dung:** HS hoàn thiện phiếu học tập tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập HS đã hoàn thành**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên phát phiếu học tập về tác giả, tác phẩm B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc thông tin, tìm hiểu và hoàn thành phiếu B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm và báo cáo phần tìm hiểu. B4. Đánh giá kết quả thực hiện Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nam Cao (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân; Xuất thân trong một gia đình công giáo bậc trung. - Trước CMT8: làm nhiều nghề để kiếm sống: dạy trường tư, làm gia sư, viết văn,...Đề tài: xoay quanh đời sống cơ cực của người nông dân và các bi kịch của tầng lớp trí thức nghèo ở thành thị. - Sau CM: tích cực tham gia các hoạt động báo chí, văn nghệ phục vụ cuộc sống mới,... - Quan điểm nghệ thuật: nghệ thuật vị nhân sinh, sống đã rồi hãy viết. - Tác phẩm chính: SGK (tr34) -> Là nhà văn hiện thực tiêu biểu của VHVN TK XX. 2. Văn bản a. Bối cảnh và hoàn cảnh ra đời: - Bối cảnh: nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Xây dựng dựa trên một số nguyên mẫu tại làng Đại Hoàng. b. Nhan đề: Tác phẩm ban đầu được Nam Cao đặt tên là <i>Cái lò gạch cũ</i> , khi ra mắt độc giả lần đầu, NXB tự đổi thành <i>Đôi lứa xứng đôi</i> . Sau này, khi in lại trong tập <i>Luống cày</i> Nam Cao đặt lại tên là <i>Chí Phèo</i> .

Nội dung 2: Khám phá văn bản**a. Mục tiêu:**

- Xác định cốt truyện, trật tự kể chuyện và tác dụng của việc thay đổi trật tự kể
- Phân loại được điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu, nhận xét về tương quan, sự dịch chuyển giữa các điểm nhìn và chỉ ra những nét đặc sắc trong cách mở đầu.
- Phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo, thái độ của người kể đối với nhân vật
- Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết và phân tích ý nghĩa cái chết của Chí Phèo
- Phân tích nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của tác giả

b. Nội dung:

- Hoàn thành phiếu học tập
- Trả lời các câu hỏi

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập học sinh hoàn thành

- Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Cốt truyện và trật tự kể chuyện B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên phát phiếu học tập cung cấp các sự kiện liên quan đến cuộc đời của nhân vật Chí Phèo - Cuộc đời của nhân vật Chí Phèo được kể theo trật tự nào? Tác dụng? B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản, sắp xếp các sự kiện liên quan đến cuộc đời Chí Phèo theo trình tự thời gian; Trả lời câu hỏi B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ sản phẩm và báo cáo sản phẩm hoàn thiện. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	II. Khám phá văn bản 1. Cốt truyện và trật tự kể chuyện a. Cốt truyện - Chí Phèo mồ côi sinh ra ở cái lò gạch cũ - Lớn lên, Chí làm thuê cho bá Kiến - Vợ bá Kiến dụ dỗ Chí, Bá Kiến ghen tuông đẩy Chí vào tù - Ra tù Chí thay đổi nhân hình, nhân tính - Chí gặp Thị Nở, nảy sinh tình cảm và khát khao làm người lương thiện - Bị Thị Nở từ chối, Chí Phèo chìm trong hơi rượu, kết liễu Bá Kiến và chính mình b. Trật tự kể chuyện: Hiện tại -> Quá khứ -> Hiện tại - Hiện tại: Khơi gợi tò mò, băn khoăn của người đọc về sự tồn tại của Chí Phèo; Khắc họa chân dung khác lạ của Chí Phèo - Quá khứ: Gợi dẫn về quá khứ; Lí giải vì sao có sự xuất hiện của một kẻ khác lạ như Chí? Hắn đã được sinh ra và trở thành người như hiện tại ra sao? - Hiện tại: Đặt ra câu hỏi: Liệu có con đường nào khác dành cho Chí Phèo của hiện tại và tương lai? Chí Phèo đã tìm lại cuộc đời mình như thế nào? 2. Đoạn mở đầu theo điểm nhìn trần thuật - Điểm nhìn từ người kể chuyện: Tạo sự chú ý đối với người đọc; Tái hiện đậm nét chân dung của nhân vật - Điểm nhìn từ Chí Phèo: Chí bất lực khi không thay đổi được số phận, Chí rất đơn độc. - Điểm nhìn từ dân làng Vũ Đại: Sự chối bỏ của dân làng Vũ Đại đối với Chí Phèo, họ không còn coi Chí là một con người trong xã hội. => Đoạn mở đầu không có một điểm nhìn duy nhất bao trùm. Người kể chuyện không đứng hẳn về ý thức của nhân vật nào. Đây chính là biểu hiện của lối trần thuật đa thanh thể hiện được cái nhìn đa chiều của tác giả và nội tâm sâu sắc của nhân vật. 3. Nhân vật Chí Phèo a. Trước khi ở tù, Chí là một nông dân lương thiện
Nhiệm vụ 2: Đoạn mở đầu theo điểm nhìn trần thuật B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS đọc đoạn mở đầu và thực hiện bảng theo điểm nhìn trần thuật và nhận xét	

	- Hoàn cảnh xuất thân: mồ côi, lớn lên ở làng quê nghèo - Tính cách, phẩm chất: chăm chỉ làm ăn, ước mơ chân chính; Có lòng tự trọng cao => Chí Phèo có đủ điều kiện để sống cuộc sống yên bình như bao người khác. <u>b Sau khi ra tù, Chí Phèo là con quỷ dữ của làng Vũ Đại</u> - Thay đổi về hình dạng (...) - Thay đổi về nhân tính: du côn, du đàng, triền miên trong con say, đập đầu, chửi bới, phá phách và làm tay sai cho Bá Kiến. - Nguyên nhân: Sự ghen tuông vô lí của Bá Kiến, chế độ nhà tù thực dân PK (trực tiếp); Những người nông dân cùng quần đấm chém, giành giật lẫn nhau. Bọn địa chủ cường hào như đàn cá tranh mồi (Sâu xa) <u>c. Cuộc gặp gỡ giữa Chí Phèo và Thị Nở</u> - Tình yêu thương mộc mạc, chân thành của Thị Nở- người đàn bà xấu như ma chê quỷ hờn, lại dở hơi ấy đã đánh thức bản chất lương thiện của Chí Phèo. - Chí Phèo đã thức tỉnh + Về nhận thức: Nhận biết được mọi âm thanh trong cuộc sống. + Nhận ra bi kịch trong cuộc đời của mình và sợ cô đơn, cô độc đối với Chí Phèo “<i>cô độc còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau</i>”. + Về ý thức: Chí Phèo thêm lương thiện và muốn làm hòa với mọi người. - Hình ảnh bát cháo hành là hình ảnh độc đáo, chân thật và giàu ý nghĩa: Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng Chí được ăn trong tình yêu thương và hạnh phúc. => Chí Phèo đã hoàn toàn thức tỉnh, Chí đang đứng trước tình huống có lối thoát là con đường trở về với cuộc sống của một con người. Cái nhìn đầy chiều sâu nhân đạo của nhà văn. <u>d. Bi kịch bị cự tuyệt</u> - Nguyên nhân: + Do bà cô Thị Nở không cho Thị lấy Chí Phèo → định kiến của xã hội. + Thị Nở từ chối Chí Phèo -> con đường trở thành người lương thiện bị cắt đứt. - Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo: + Lúc đầu: Chí ngạc nhiên trước thái độ của Thị Nở
--	---

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm đôi – hoàn thành bảng trong thời gian 20 phút

B3. Báo cáo thảo luận

Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng;
Đại diện báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản

Nhiệm vụ 3: Nhân vật Chí Phèo

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- Tìm những chi tiết miêu tả hình ảnh, suy nghĩ của Chí trong quá khứ trước khi đi tù trở về? (Hoàn cảnh, công việc, tính cách, ước mơ) – HS có thể vẽ hoặc tái hiện chân dung nhân vật

- Qua những chi tiết đó em có nhận xét gì về nhân vật Chí Phèo

- Đọc đoạn văn “Hồi ấy hắn hai mươi ... chứ yêu đương gì” và cho biết lời và điểm

+ Sau Chí hiểu ra mọi việc: ngăn người, nắm lấy tay Thị Nở, bị thị xô ngã, Chí thấy hơi cháo hành nhưng lại tuyệt vọng Chí uống rượu và khóc “*rung rức*”, xách dao đến nhà Bá Kiến đâm chết Bá Kiến và tự sát.

- Ý nghĩa hành động đâm chết Bá Kiến và tự sát của Chí:

+ Đâm chết Bá Kiến là hành động lấy máu rửa thù của người nông dân thức tỉnh về quyền sống.

+ Cái chết của Chí Phèo là cái chết của con người trong bi kịch đau đớn tột cùng trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống làm người.

4. Đoạn kết truyện

- Giọng điệu: Tự nhiên, sinh động, sử dụng khẩu ngữ quần chúng một cách triệt để, mang hơi thở đời sống, giọng văn hoá đời sống. Ngôn ngữ kể chuyện vừa là ngôn ngữ của tác giả, vừa là ngôn ngữ của nhân vật, nhiều giọng điệu đan xen, tạo nên một thứ ngôn ngữ đa thanh đặc sắc.

- Cái chết cũng thể hiện lòng tin của tác giả vào bản chất lương thiện của người nông dân lao động sẽ mãi mãi không bao giờ mất đi.

- Cái chết của Chí Phèo là một cái kết đầy ám ảnh.

5. Đặc sắc trong cách kể chuyện

- Điểm nhìn: Điểm nhìn có sự thay đổi linh hoạt, luân phiên. điểm nhìn của người kể chuyện/ điểm nhìn của nhân vật; điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong

- Người kể chuyện: Người kể chuyện ở ngôi thứ ba, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật. Giọng điệu kể đa thanh.

- Lời trần thuật: Kể truyện linh hoạt tự nhiên phóng túng mà vẫn nhất quán, chặt chẽ, đảo lộn trình tự thời gian, mạch tự sự có những đoạn hồi tưởng, liên tưởng tạt ngang, tưởng như lỏng lẻo mà thực sự rất tự nhiên, hợp lý, hấp dẫn.

nhìn của người kể chuyện thể hiện thái độ như thế nào đối với Chí Phèo? - Phân tích phản ứng tâm lí và hành động của Chí Phèo sau khi bị thị Nở từ chối chung sống? B2. Thực hiện nhiệm vụ HS trả lời các câu hỏi phát vấn (cá nhân) B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời câu hỏi B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản Nhiệm vụ 4: Đoạn kết truyện B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nhận xét về điểm nhìn và giọng điệu trần thuật ở đoạn kết của truyện khi Chí Phèo tìm đến nhà bá Kiến lần cuối và phản ứng của dân làng Vũ Đại về cái chết của hai nhân vật. Phân tích ý nghĩa cái chết của Chí Phèo - So sánh đoạn kết của hai truyện ngắn Chí Phèo và Vợ nhặt (bảng so sánh) B2. Thực hiện nhiệm vụ - Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm đôi – hoàn thành bảng so sánh B3. Báo cáo thảo luận Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản Nhiệm vụ 5: Đặc sắc trong cách kể chuyện B1. Chuyển giao nhiệm vụ HS chia nhóm và tổng hợp thông tin quá trình đọc và tìm hiểu văn bản và vẽ sơ đồ tư duy hệ thống hóa đặc sắc trong cách kể chuyện của Nam Cao trên ba bình diện: người kể chuyện, điểm nhìn và lời trần thuật. B2. Thực hiện nhiệm vụ - Cá nhân thực hiện trả lời câu hỏi - Nhóm lớn - hoàn thành nội dung B3. Báo cáo thảo luận Nhóm đôi thảo luận để hoàn thành bảng; Đại diện báo cáo kết quả B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	
---	--

Nội dung 3: Tổng kết

- Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm vững những nét khái quát về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm
- Nội dung:** Trả lời các câu hỏi
- Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên nêu câu hỏi về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và hoàn thành câu trả lời cá nhân B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh trình bày cá nhân khi được GV đặt câu hỏi B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản	III. Tổng kết 1. Nội dung “Chí Phèo” tố cáo mạnh mẽ xã hội thuộc địa phong kiến tàn bạo đã cướp đi nhân hình lẫn nhân tính của người nông dân lương thiện đồng thời nhà văn phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của con người ngay cả khi họ đã biến thành quỷ dữ. 2. Nghệ thuật - Xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo. - Ngôn ngữ giản dị, diễn đạt độc đáo. - Kết cấu truyện mới mẻ, tưởng như tự do nhưng lại rất chặt chẽ, logic. - Cốt truyện và các tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính.

PHIẾU HỌC TẬP**PHT1.**

1	Tác giả Nam Cao	- Những nét chính về cuộc đời: - Quan điểm sáng tác:
2	Tác phẩm <i>Chí Phèo</i>	- Xuất xứ: - Tên gọi:

PHT2. Nối cột A với cột B tương ứng với các sự kiện diễn ra trong cuộc đời của Chí Phèo

Cột A	Cột B
1	Vợ bá Kiến dụ dỗ Chí, Bá Kiến ghen tuông đẩy Chí vào tù
2	Bị Thị Nở từ chối, Chí Phèo chìm trong hơi rượu, kết liễu Bá Kiến và chính mình
3	Chí gặp Thị Nở, nảy sinh tình cảm và khát khao làm người lương thiện
4	Chí Phèo mồ côi sinh ra ở cái lò gạch cũ
5	Ra tù Chí thay đổi nhân hình, nhân tính
6	Lớn lên, Chí làm thuê cho bá Kiến

PHT3. Phân loại điểm nhìn trần thuật trong đoạn mở đầu theo các bình diện đã cho

Bình diện	Nội dung thể hiện
Điểm nhìn người kể chuyện (Điểm nhìn bên ngoài)	
Điểm nhìn Chí Phèo (điểm nhìn bên trong)	
Điểm nhìn dân làng Vũ Đại (Điểm nhìn bên ngoài)	
Nhận xét:	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về chi tiết bát cháo hành của thị Nở trong truyện ngắn Chí Phèo.

b. Nội dung: Thực hành viết đoạn văn 150 chữ

c. Sản phẩm: Bài viết của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện bài làm viết kết nối đọc B3. Báo cáo thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Đoạn văn mẫu: Cháo hành vốn là một món ăn bình thường, nếu không nói là xoàng xĩnh, lại được nấu bởi sự vụng về của người đàn bà thô kệch, xấu xí là Thị Nở thì lại càng tầm thường đến mức nào. Thế nhưng, đối với Chí Phèo, thứ vật chất tầm thường ấy lại là một thứ lớn lao, đáng trân trọng. Bởi chính bát cháo hành đã khiến hắn yêu và khao khát được yêu. Khơi dậy niềm khát vọng sống lên đến cực điểm của Chí lúc này. Bát cháo hành không còn là bát cháo thông thường mà trở thành bát cháo của tình thương người và thức tỉnh lương tri con người. Khi đón nhận bát cháo hành từ tay Thị Nở. Đầu tiên, hắn ngạc nhiên. Ngạc nhiên vì lần đầu tiên được người ta cho ăn, ngạc nhiên vì có được sự quan tâm từ người khác, có được cái ăn mà không phải cướp bóc, dọa nạt. Rồi mắt hắn “ươn ướt”. Có gì đó như là chút ăn năn, hối hận trong lòng hắn. Hắn khóc vì nhận được tình thương từ người khác, khóc với niềm hi vọng cái tương lai cô độc kia sẽ không còn nữa, hắn khóc vì hắn tin rằng mình vẫn còn cơ hội để làm lại cuộc đời. Bát cháo như một động lực thúc đẩy những cảm xúc vốn đã chết lặng từ lâu trong Chí

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS đưa ra lời bào chữa cho Chí Phèo gắn với hình thức thể hiện cụ thể

b. Nội dung: HS mở cuộc hội thảo “Lời bào chữa của Chí Phèo”

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên giao nhiệm vụ

Học sinh thảo luận và thực hiện

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

Học sinh suy ngẫm và thực hiện hội thảo theo nhóm

B3. Báo cáo thảo luận

Học sinh trình bày phần bài làm của mình

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo

4. Củng cố:**5. HDVN:**

- Tìm đọc toàn bộ tác phẩm

- Tóm tắt nội dung tác phẩm bằng một trong các cách: dùng lời văn, dùng tranh vẽ, dùng sơ đồ
- Tìm đọc các tác phẩm cùng đề tài
- Chuẩn bị bài học tiếp theo: Thực hành tiếng Việt.

TIẾT...

PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Phân biệt được các đặc điểm riêng của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, từ đó, biết sử dụng ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết một cách hiệu quả tùy từng trường hợp giao tiếp cụ thể.
- Phân tích được ý nghĩa của việc tái tạo ngôn ngữ nói trong ngôn ngữ viết và ngược lại, việc “trích dẫn” ngôn ngữ viết trong ngôn ngữ nói.
- Nhận biết được các lỗi về phong cách trong các văn bản nói và viết cụ thể, đồng thời, chỉ ra được hướng khắc phục.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung: năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác.
- Năng lực đặc thù: năng lực sử dụng ngôn ngữ trong quá trình nói và viết

3. Về phẩm chất: Yêu quý, tự hào về ngôn ngữ dân tộc và có trách nhiệm gìn giữ, phát huy sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy chiếu, bảng, máy tính.

2. Học liệu

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, tài liệu tham khảo.
- HS: sách giáo khoa, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế, sự hứng khởi cho HS vào học bài.

b. Nội dung: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chiếu hai ví dụ: 1 ví dụ về một cuộc trò chuyện thông thường hàng ngày, 1 ví dụ về một đoạn văn.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhận xét về ngôn ngữ của 2 ví dụ.

Đoạn văn 1: - Trong quá trình hội nhập quốc tế và hiện đại hóa thì tre ngày nay lại trở thành những sản phẩm văn hóa có giá trị thẩm mỹ cao được nhiều khách nước ngoài ưa thích, như những mặt hàng dùng để trang trí ở những nơi sang trọng: đèn chụp bằng tre, đĩa đan bằng tre...

Đoạn văn 2:

A: Bác đan những cái đĩa, những cái đèn chụp, giỏ đựng đồ bằng tre ạ?

B: Ủ! Đây là những vật dụng đan bằng tre để xuất khẩu cháu ạ! Người nước ngoài họ thích lắm, họ đặt hàng liên tục.

A: Thế ạ! Tre nước mình trở thành sản phẩm tiêu dùng tốt quá bác nhỉ?

B: Ủ! Đây là hàng thủ công mỹ nghệ đặc biệt và an toàn đấy cháu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: thảo luận, ghi kết quả vào bảng phụ. GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo kết quả HS báo cáo kết quả thảo luận.

HS khác: nhận xét, bổ sung. GV: quan sát, hỗ trợ.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Ở đoạn văn 1: Người nói và người nghe tiếp xúc gián tiếp với nhau và sử dụng chữ viết làm phương tiện để trao đổi thông tin.

- Ở đoạn văn 2: Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau và sử dụng ngôn ngữ âm thanh làm phương tiện để trao đổi thông tin.

GV dẫn vào bài mới: Từ xa xưa, loài người trao đổi ý nghĩ, tình cảm với nhau bằng ngôn ngữ nói. Sau này, khi sáng tạo ra chữ viết, người ta dùng chữ viết cùng với tiếng nói để thông tin với nhau. Chữ viết ra đời đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử văn minh nhân loại, và từ đó chúng ta có hai loại phương tiện để trao đổi thông tin, đó là ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Tiết học hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em tìm hiểu đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp học sinh nhận rõ đặc điểm, các mặt thuận lợi và hạn chế của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

b. Nội dung: HS sử dụng sách giáo khoa và vận dụng hiểu biết của bản thân tìm hiểu về đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Nội dung 1: Khái quát lý thuyết.

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm						
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức Ngữ văn, phần Nhận biết của bài học, kết hợp hiểu biết của mình trả lời các câu hỏi. - HS làm việc nhóm, lập bảng làm rõ sự khác biệt của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết trên 4 phương diện: tình huống giao tiếp, phương tiện ngôn ngữ, phương tiện hỗ trợ, hệ thống các yếu tố ngôn ngữ. B2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc sách, trả lời các câu hỏi - HS hoạt động nhóm B3. Báo cáo thảo luận - HS trả lời câu hỏi - Đại diện 1 nhóm trả lời, các nhóm khác góp ý, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên đánh giá kết quả, chốt kiến thức.	I. Nhận biết ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết <i>Em hiểu thế nào là ngôn ngữ nói? Thế nào là ngôn ngữ viết?</i> - Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh, là lời nói trong giao tiếp, ở đó người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau. - Ngôn ngữ viết: được thể hiện bằng chữ viết trong văn bản và được tiếp nhận bằng thị giác. Ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết được hình thành trong những tình huống giao tiếp khác nhau như thế nào? - Ngôn ngữ nói: tình huống tiếp xúc trực tiếp. - Ngôn ngữ viết: không tiếp xúc trực tiếp Điều gì quy định đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết? - Mục đích và tình huống giao tiếp sẽ quyết định đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết <i>* Bảng so sánh sự khác biệt của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.</i> <table><tr><th>Phương diện</th><th>NGÔN NGỮ NÓI</th><th>NGÔN NGỮ VIẾT</th></tr><tr><td>Tình huống giao tiếp.</td><td> - Tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ </td><td> - Không tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai - Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB. </td></tr></table>	Phương diện	NGÔN NGỮ NÓI	NGÔN NGỮ VIẾT	Tình huống giao tiếp.	- Tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ	- Không tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai - Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB.
Phương diện	NGÔN NGỮ NÓI	NGÔN NGỮ VIẾT					
Tình huống giao tiếp.	- Tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trực tiếp, phản hồi tức khắc, có sự đổi vai. - Người nói ít có điều kiện lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ	- Không tiếp xúc trực tiếp - Nhân vật giao tiếp trong phạm vi rộng lớn, thời gian lâu dài, không đổi vai - Người giao tiếp phải biết các ký hiệu chữ viết, qui tắc chính tả, qui cách tổ chức VB.					

		- Người nghe ít có điều kiện suy ngẫm, phân tích	- Có điều kiện suy ngẫm, lựa chọn, gọt giũa các phương tiện ngôn ngữ
	Phương tiện ngôn ngữ	- Âm thanh	- Chữ viết
	Phương tiện hỗ trợ	- Ngữ điệu - Nét mặt, ánh mắt - Cử chỉ, điệu bộ	- Dấu câu - Hình ảnh minh họa - Sơ đồ, bảng biểu
	Hệ thống các yếu tố ngôn ngữ	- Từ ngữ: + Khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ + Trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen. - Câu: Kết cấu linh hoạt (câu tỉnh lược, câu có yếu tố dư thừa...) - Văn bản: không chặt chẽ, mạch lạc.	- Từ ngữ: + được chọn lọc, gọt giũa + sử dụng từ ngữ phổ thông. - Câu: Câu chặt chẽ, mạch lạc: câu dài nhiều thành phần. - Văn bản: có kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao.

*** Nội dung 2: Bài tập nhận biết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm			
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Bài 1: HS hoạt động nhóm 5, vận dụng kết quả lập bảng ở trên để làm bài tập. (3 nhóm làm câu a, 3 nhóm làm câu b) - Bài 2: HS hoạt động cá nhân thực hiện yêu cầu. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK, vận dụng kiến thức và làm bài. B3. Báo cáo thảo luận - Bài 1: 1 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét bổ sung - Bài 2: 1 HS báo cáo. HS khác bổ sung, góp ý. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá và chữa bài.	Bài tập 1:			
	Phương diện	Bài 1 a	Bài 1b	Bài 2
	Tình huống giao tiếp.	- Nhân vật “hắn” và Thị nói chuyện trực tiếp - Phản hồi tức khắc, có sự đổi vai.	- Nhân vật “cụ” và Chí Phèo nói chuyện trực tiếp - Phản hồi tức khắc, có sự đổi vai.	- Không tiếp xúc trực tiếp, không đổi vai
	Phương tiện ngôn ngữ	- Âm thanh	- Âm thanh	- Chữ viết
	Phương tiện hỗ trợ	- Ngữ điệu đa dạng (căn cứ vào dấu câu) - Cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, ánh mắt:	- Ngữ điệu: Bá Kiến thay đổi ngữ điệu liên tục, phù hợp với từng đối tượng	- Dấu câu.

		+ Tràng: giương và chiến lược mắt nhìn, toét giao tiếp. miệng cười, vỗ - Cử chỉ, điệu vỗ vào túi, cười bộ, nét mặt, ánh mắt: + Thị: cong cớn, + Bá kiến: lay mắt sáng lên, và gọi cười nhạt, đon đả, sà xuống thân mật ăn, cầm đầu ăn, + Chí Phèo: cầm đũa quệt lim dim mắt, rên ngang miệng, lên, không nhúc thờ. nhích	
	Hệ thống các yếu tố ngôn ngữ	- Khẩu ngữ: bỏ từ đưa đẩy chêm bố, đếch xen: biết gì; cả, - Tiếng lóng: thôi chứ, như rích bố cu thế này, ơi, thể, - Trợ từ, thán từ, sao, nào, có cái từ ngữ đưa đẩy, gì, mang tiếng chêm xen: này, cả. cả. - Câu tỉnh lược: nhá, ừ, hà. Có gì mà xúm lại như thế này? Rích bố cu, hờ!; Lại say rồi phải Ăn thật nhá! Ừ ko? Về bao giờ thì ăn sợ gì; Hà, thế? Nào, đứng ngon! Làm đếch lên đi. Cứ vào gì có vợ!... đây uống nước đã.....	- Từ ngữ: + được chọn lọc, gọt giũa + sử dụng từ ngữ phổ thông. - Câu: Câu chặt chẽ, mạch lạc: câu dài nhiều thành phần. - Văn bản: có kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Giúp học sinh vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để làm những bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS làm các bài tập trong SGK

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Hoạt động cá nhân, làm bài tập luyện tập B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS vận dụng kiến thức và làm bài. B3. Báo cáo thảo luận - HS trao đổi bài cho nhau, nhận xét, góp ý.	Bài tập luyện tập: Phân tích lỗi và chữa lại các câu dưới đây cho phù hợp với ngôn ngữ viết. a) Trong thơ ca Việt Nam thì đã có nhiều bức tranh mùa thu đẹp hết ý. b) Còn như máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì không được kiểm soát, họ sẵn sàng khai uống lên đến mức vô tội vạ. c) Cá, rùa, ba ba, ếch nhái, chim ở gần nước thì như cò, vạc, vịt, ngỗng... thì cả ốc, tôm, cua,... chúng chẳng chùa ai sất. Hướng dẫn làm bài:

- HS báo cáo. HS khác bổ sung, góp ý B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV đánh giá và chữa bài.	a) Bỏ từ thì, hết ý. => Trong thơ ca Việt Nam, đã xuất hiện nhiều bức tranh mùa thu đẹp, thơ mộng. b) Bỏ từ như, vồng lên, vô tội vạ => Còn máy móc, thiết bị do nước ngoài đưa vào góp vốn thì không được kiểm soát. Họ sẵn sàng khai quá mức thực tế đến mức tùy tiện. c) Câu văn tối nghĩa, bỏ từ sát và viết lại câu => Từ cá, rùa, ba ba, ếch nhái hay những loài chim ở gần nước như cò vạc, vịt, ngỗng, thậm chí cả một số loài như ốc, tôm, cua, chúng đều vơ vét về làm thức ăn, không chừa bất cứ loài nào.
--	---

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp học sinh vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để làm những bài tập cụ thể.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.

GV: Cho HS đọc lại đoạn thơ sau:

“Người đi? Ừ nhỉ? Người đi thực

Mẹ thà coi như chiếc lá bay

Chị thà coi như là hạt bụi

Em thà coi như hơi rượu say”

(Trích: Tống Biệt Hành)

Yêu cầu HS đọc diễn cảm đoạn thơ. Em có nhận xét như thế nào về cách đọc của bạn? Hãy phân biệt giữa đọc và nói?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS: suy nghĩ, thảo luận, ghi vào bảng phụ. GV: Quan sát, hỗ trợ học sinh.

Bước 3: Báo cáo kết quả HS mỗi nhóm cử đại diện, báo cáo kết quả thảo luận. GV quan sát, hỗ trợ.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.

Phân biệt nói và đọc: Giống: Cùng dùng âm thanh

Khác: + Nói: Phải có ngữ điệu, cử chỉ

+ Đọc: Phải lệ thuộc tuyệt đối vào văn bản, phải tận dụng ưu thế của ngữ điệu để làm toát lên nội dung.

5. HDVN

PHẦN VIẾT

TIẾT.....

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

(Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

1.1 Năng lực đặc thù

- **Học sinh giới thiệu** ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).
- **Học sinh nêu được và phân tích một cách cụ thể, rõ ràng** về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).
- **Học sinh nêu được** nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.
- **Học sinh khẳng định** giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

1.2 Năng lực chung

Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

2. Về phẩm chất: Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Học liệu: Máy chiếu, bảng, dụng cụ, đồ dung khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: HS xem video phân tích và đánh giá một tác phẩm văn học và trả lời câu hỏi: Video thuyết trình về tác phẩm văn học nào? Người nói đã giới thiệu những phương diện nào của tác phẩm?

<https://www.youtube.com/watch?v=WSvQA7vqiWY&pp=ygUqdGh1eeG6v3QgdHLD rG5oIGdp4bubaSB0aGnhu4d1IHTDoWMgcGjhuqlt>

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chiếu video và đặt câu hỏi gợi dẫn: Video thuyết trình về tác phẩm văn học nào? Người nói đã giới thiệu những phương diện nào của tác phẩm? B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	GV từ câu trả lời của hs dẫn vào bài học

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS biết được những yêu cầu chung của kiểu bài

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS đọc kỹ yêu cầu trong SGK và gạch chân từ khóa Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Yêu cầu - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm - Nêu và phân tích cụ thể, rõ ràng về một số phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm - Khẳng định giá trị của tác phẩm

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS hiểu được tầm quan trọng của việc trình bày cụ thể về các khía cạnh trong nghệ thuật tự sự, tránh lối viết chung chung; học hỏi được cách triển khai luận điểm của người viết

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chốt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kỹ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi theo nhóm đôi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành đọc và trả lời câu hỏi Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Văn bản: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa. 1. Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý nào? Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý: - Tổ chức mạch truyện - Người kể chuyện - Lối trần thuật hướng nội - Thái độ của người kể với nhân vật - Lối trần thuật 2. Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự nào? Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự: - Miêu tả yếu tố đó. - Chỉ ra chức năng, vai trò của nó. - Thái độ của người kể chuyện với nhân vật. - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. 3. Bạn có thể học hỏi được điều gì từ cách phân tích các phương diện của nghệ thuật

	tự sự trong Đời thừa? Điều gì ở bài viết chưa làm bạn thỏa mãn. - Học hỏi: Khi biết bài văn phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự cần phải nêu được giá trị của văn bản, chỉ ra phương diện nghệ thuật cần đánh giá. Mô tả và nêu vai trò chức năng của nó. Chỉ ra được thái độ của nhân vật và đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. - Bài viết chưa đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nghệ thuật tự sự
--	---

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Học sinh giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).

- Học sinh nêu được và **phân tích một cách cụ thể, rõ ràng** về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,...).

- Học sinh nêu được nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.

- Học sinh **khẳng định** giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết

- Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài

* Chuẩn bị viết

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát PHT và hướng dẫn HS làm phiếu B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt kt	PHIẾU VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (Những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả) ĐỀ BÀI: Viết một bài văn nghị luận phân tích những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả trong một truyện ngắn mà em thích. Chuẩn bị viết 1. Tác phẩm truyện mà tôi chọn là tác phẩm nào? Của ai? 2. Cách kể chuyện của tác giả khiến tôi ấn tượng là gì? 3. Vì vậy, tôi sẽ lựa chọn vấn đề nghị luận, đó là.....

* Tìm ý, lập dàn ý:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên phát phiếu học tập, HS hoàn thành phiếu đầy đủ các bước theo yêu cầu của SGK Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành hoàn thành phiếu Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh chia sẻ bài làm Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	Tìm ý và lập dàn ý 1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm 2. Trong truyện ngắn có những đặc điểm kể chuyện nào đáng lưu ý: + Tổ chức mạch truyện, người kể chuyện và lối trần thuật hướng nội (sử dụng điểm nhìn bên trong, nương theo ý thức của nhân vật), thái độ của người kể chuyện với nhân vật và đặc điểm của lối trần thuật. + Từ ngữ, cấu trúc câu, các phương thức tổ chức điểm nhìn trần thuật, nhịp điệu trần thuật. + Cách xây dựng tình huống truyện ... 3. Hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc như thế nào? 4. Đánh giá giá trị của tác phẩm bạn đã chọn trên phương diện nghệ thuật Tác phẩm các vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mỹ mới mẻ thế nào? * Lập dàn ý: HS sắp xếp các ý vừa tìm được vào bố cục 3 phần sao cho hợp lí
--	--

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hành viết theo rubric chấm Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Bài viết của hs

Rubric đánh giá

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bạn sẽ tập trung làm rõ.		
	Nêu được khái quát giá trị trong đặc sắc cách kể chuyện của tác phẩm		

Thân bài	Miêu tả yếu tố (Sử dụng các định nghĩa và kiến thức lí luận, đồng thời diễn giải yếu tố đó trong tác phẩm)		
	Chỉ ra chức năng của yếu tố đó và vai trò của nó trong tác phẩm		
	Đánh giá hiệu quả của yếu tố đó đối với tác phẩm		
	Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.		
	Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Học sinh bàn luận về một vấn đề được người viết đề cập

b. Nội dung: HS hoàn thành bài viết và tiến hành kiểm tra đánh giá

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện thảo luận, đánh giá Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trình bày phần bài làm của mình Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

4. Củng cố:

5. HDVN:

PHẦN: NÓI VÀ NGHE

Tiết....

THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết cách giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.
- Nêu được các khía cạnh về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.
- Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.

2. Về năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước vấn đề được cung cấp.
- Năng lực thuyết trình: giới thiệu, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất: Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, bút màu, giấy A0...

2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái học mới và gợi dẫn cho sinh về nội dung

b. Nội dung: GV phát vấn: Theo em, cần chuẩn bị những gì để có một bài thuyết trình tốt?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS chuẩn bị bài nói dựa vào nhiệm vụ đã phân công.

(Chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn trong SGK: Lưu ý: GV cho các nhóm đăng kí tác phẩm truyện trước để tránh trùng lặp)

b. Nội dung: Các thành viên trong nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ gợi ý, hoàn thành sản phẩm trước ở nhà.

c. Sản phẩm: Video trình chiếu, bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị nội dung, 1HS (MC) điều hành buổi trình bày nói- nghe. B2. Thực hiện nhiệm vụ MC mời lần lượt các nhóm lên trình bày. Những nhóm còn lại lắng nghe theo dõi. Hs thực hiện nhiệm vụ học tập B3. Báo cáo thảo luận MC mời lần lượt nhóm nghe phản hồi về bài thuyết trình của người nhóm nói. Nhóm nói có sự trao đổi lại với người nghe. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Người nói cần chú ý: - Sử dụng từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết, giúp người nghe dễ theo dõi - Sử dụng ngữ điệu, giọng điệu phù hợp - Kết hợp ngôn ngữ hình thể với các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh... Người nghe cần chú ý: - Tôn trọng quan điểm của người nói - Tinh thần cởi mở, góp ý tích cực. Có thể đưa ra các câu hỏi trao đổi, phản biện với các vấn đề người nói trình bày.	

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1: Chuẩn bị nội dung nói

Họ tên.....Nhóm.....Lớp..... * Nhiệm vụ: 1. Chọn 1 tác phẩm truyện (Truyện ngắn/ tiểu thuyết) để lại ấn tượng về cách kể chuyện Tên truyện:..... 2. Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật - Tác giả: - Hoàn cảnh ra đời: - Vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của nhà văn/ trong lịch sử văn học: 3. Lựa chọn 1 đề tài yêu thích/ phù hợp về cách kể chuyện của tác phẩm truyện được chọn để triển khai thành các luận điểm 4. Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện

Phiếu học tập số 5: Phiếu đánh giá

Tên đề tài.....			
Người trình bày.....			
Người đánh giá.....			
Stt	Nội dung	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn thuyết trình		
2	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện		
3	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu/ hình ảnh minh họa		

4	Tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với tác phẩm		
---	--	--	--

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:

Người nói và người nghe đối thoại trên tinh thần cởi mở. Thực hiện đánh giá, tự đánh giá theo các tiêu chí.

b. Nội dung:

Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện cụ thể

c. Sản phẩm: Đánh giá bài thuyết trình.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhóm điều phối sẽ tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Các suy nghĩ để đưa ra ý kiến, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá. B3. Báo cáo thảo luận Các nhóm góp ý, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Sử dụng phiếu đánh giá	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một tác phẩm mới.

b. Nội dung: Giới thiệu những thông tin về tác phẩm truyện; Nêu cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: HS thực hiện được bài thuyết trình giới thiệu, cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra tác phẩm (hoặc HS chọn tác phẩm mình muốn đọc).

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

HS tìm đọc ở nhà; Giới thiệu những thông tin về tác phẩm truyện đã đọc; Nêu cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện đó.

B3. Báo cáo thảo luận

Thực hiện trên lớp vào giờ sau.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

Rút kinh nghiệm về kĩ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm truyện.

4. củng cố:

5. HDVN:

TRẢ BÀI VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Hệ thống hóa những yêu cầu cần đạt của đề bài (kiểu bài, các phương diện độc đáo của tác phẩm truyện để bàn luận, xây dựng hệ thống luận điểm, yêu cầu về dùng từ, chính tả, câu....).
- Thể hiện được quan điểm cá nhân về vấn đề cần bàn luận

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo và tư duy để làm tốt các bài văn nghị luận văn học.
- Tự đánh giá những ưu - nhược điểm trong bài làm của mình.
- Năng lực tự chủ và tự học, có được những định hướng cần thiết để làm tốt hơn những bài viết sau.

3. Phẩm chất:

- Tự giác về sửa chữa lại bài.
- Ý thức nỗ lực vươn lên trong học tập.
- Chăm chỉ, vận dụng kiến thức văn học vào cuộc sống.
- Giáo dục lòng yêu văn học, yêu cái đẹp, sống tốt hơn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị

Bảng, phấn, máy chiếu.

2. Học liệu

- Đề, đáp án, giáo án trả bài của GV.
- Bài kiểm tra của HS.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế tiếp nhận cho HS, HS rút kinh nghiệm cho bài viết sau.

b. Nội dung: GV chữa bài, trả bài; HS đối chiếu đáp án với bài làm của bản thân.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV: - Chiếu 3 văn bản trích từ bài làm của HS: + 1 văn bản TB : mắc lỗi diễn đạt, chính tả/ chữ viết cẩu thả... + 1 văn bản viết khá : diễn đạt trong sáng, mạch lạc; ít mắc lỗi diễn đạt/ chính tả... + 1 VB viết tốt: lập luận rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi.. - Y.c HS đọc và so sánh để chỉ ra lỗi của văn bản : ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB tối ưu nhất . B2. Thực hiện nhiệm vụ:	- Đọc to VB và phân tích ưu – nhược của từng VB. - Lựa chọn VB: hay nhất.

Học sinh suy nghĩ và trả lời B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh chia sẻ B4. Đánh giá kết quả thực hiện: <i>GV chuyển dẫn vào bài mới</i> : Nguyên nhân nào dẫn đến các hạn chế trong bài viết của HS...?	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS làm tốt các dạng câu hỏi đọc hiểu, viết đoạn văn nghị luận xã hội, rèn kỹ năng phân tích đề, lập dàn ý, lập ý, liên kết, sử dụng kết hợp các TTLL (phân tích, so sánh...) để viết bài nghị luận văn học.

b. Nội dung: HS chữa bài, phân tích đề, lập dàn ý; GV đưa ra đáp án.

c. Sản phẩm: Nội dung bài học, bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.

d. Tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS phân tích đề và Lập dàn ý B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu hs sinh nhắc lại đề. GV chiếu đề lên ? Xác định yêu cầu của đề ở bài văn? ? Lập dàn ý? B2. Thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gọi 1 – 2 HS nhận xét. GV bổ sung, chốt. Đáp án tiết viết bài Nhiệm vụ 2: Nhận xét, đánh giá chung B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nhận xét ưu - nhược điểm bài viết của mình. B2. Thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận B4. Đánh giá kết quả thực hiện BIỂU ĐIỂM: - Điểm 9 - 10: Đáp ứng tốt các yêu cầu của đề, bố cục sáng rõ, văn viết mạch lạc, có cảm xúc, cảm nhận độc đáo, sâu sắc, sáng tạo. - Điểm 7- 8: Đáp ứng khá tốt các yêu cầu của đề, bố cục hợp lí, mắc một số lỗi về diễn đạt.	I. Đề bài và đáp án biểu điểm Giáo án tiết kiểm tra... Đề bài: - HS lên bảng chữa bài. + Đọc hiểu + Đoạn văn + Bài văn * Phân tích đề: 1. Kiểu bài: Nghị luận về 1 tác phẩm truyện ngắn 2. Nội dung: 3. Phạm vi dẫn chứng, tư liệu: Kiến thức văn học. * Lập dàn ý: Giáo án tiết viết bài... II. Nhận xét chung 1. Ưu điểm. - Xác định đúng vấn đề nghị luận - Triển khai yêu cầu về nội dung của đề. - Chữ viết rõ ràng, diễn đạt trong sang, mạch lạc - Sáng tạo, liên hệ, mở rộng.... 2. Nhược điểm. - 1 số bài chưa bám sát đề, chưa làm rõ được yêu cầu của đề. - Nội dung sơ sài. - Một số bài diễn đạt chưa lưu loát, mắc nhiều lỗi về diễn đạt, dùng từ, viết câu. - Chữ viết xấu - Có bài cả phần thân bài chỉ có 1 đoạn văn. ...

- Điểm 5- 6: Đáp ứng 1/2 các yêu cầu của đề, mắc 1 số lỗi diễn đạt, viết câu. - Điểm 3 - 4: Chưa sát đề, mắc nhiều lỗi diễn đạt, viết câu. - Điểm 1- 2: Chưa hiểu đề, bài làm sơ sài, hoặc lan man, kiến thức thiếu chắc chắn, diễn đạt hạn chế - Điểm 0: Không làm bài, bỏ giấy trắng. Nhiệm vụ 3: Trả bài, rút kinh nghiệm. B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV trả bài cho HS. GV yêu cầu: ? Em hãy đối chiếu với yêu cầu của đề, so sánh với dàn ý vừa lập để nhận ra ưu, khuyết điểm trong bài làm của bản thân. B2. Thực hiện nhiệm vụ Hs đọc bài và tự nhận xét bài làm. GV gọi HS đọc 3 bài văn tiêu biểu. B3. Báo cáo thảo luận GV gọi HS đọc 3 bài văn tiêu biểu. Gv yêu cầu các HS sinh trao đổi bài cho nhau để cùng học tập, rút kinh nghiệm. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV trả lời bản khoản của HS về bài làm của mình. Gv đọc 1 số dẫn chứng HS mắc lỗi. GV tổng kết kết quả bài viết của học sinh.	 III. Trả bài và đọc bài. 1. Cho HS đọc 3 bài, cụ thể: + Một bài thuộc loại khá, giỏi: + Một bài thuộc loại trung bình: + Một bài thuộc loại yếu kém : - Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm. 2. Trao đổi bài . 3.Hướng dẫn chữa lỗi. Xem lại những lỗi đã mắc mà cô giáo đã chỉ ra bằng mực đỏ. IV. Bài viết tiêu biểu - Bài viết tốt (8-9,10 điểm): - Bài viết đạt yêu cầu (5-6-7 điểm): - Bài viết yếu, kém (dưới 5): V. Tổng kết kết quả <table><tr><td>Thống kê</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm giỏi:</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm khá:</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm TB:</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm kém:</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Thống kê				Điểm giỏi:				Điểm khá:				Điểm TB:				Điểm kém:			
Thống kê																					
Điểm giỏi:																					
Điểm khá:																					
Điểm TB:																					
Điểm kém:																					

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Vận dụng những KT, KN đọc – hiểu; thực hành các lỗi trong bài viết của mình.
- b. Nội dung:** HS có thể làm chữa các lỗi trong bài kiểm tra của bản thân, khắc phục các lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, viết câu, liên kết câu, đoạn văn.
- c. Sản phẩm:** Bài kiểm tra của HS đã được sửa các lỗi
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập - Yêu cầu đọc kĩ bài, lời nhận xét của GV.	Thực hành. 1. Lỗi diễn đạt, dùng từ

- Đối chiếu dàn ý, biểu điểm, đáp án. - Sửa những lỗi mắc cơ bản: + Lỗi diễn đạt, dùng từ (viết lại phần sai). + Lỗi chính tả. + Lỗi viết câu. + Lỗi liên kết. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trình bày trước lớp phần đã sửa. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chốt những kiến thức	2. Lỗi chính tả. 3. Lỗi viết câu. 4. Lỗi liên kết.
---	--

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng những KT, KN mới tiếp nhận từ việc phân tích đề, lập dàn ý; KN đọc - hiểu để áp dụng vào các bài tập khác.

b. Nội dung: HS có thể làm các bài tập khác, khắc phục các lỗi diễn đạt, dùng từ, chính tả, viết câu, liên kết câu, đoạn văn.

c. Sản phẩm: Bài tập vận dụng của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động GV - HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv giao nhiệm vụ cho HS. 1. Phân tích 1 bài thơ bất kì/ 1 nhân vật trong tác phẩm truyện 2. Sưu tầm đoạn văn/ bài văn hay để tham khảo: cách diễn đạt, dùng từ, đặt câu... B2. Thực hiện nhiệm vụ: B3. Báo cáo thảo luận B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv giao nhiệm vụ cho HS. 1. Phân tích 1 bài thơ bất kì/ 1 nhân vật trong tác phẩm truyện 2. Sưu tầm đoạn văn/ bài văn hay để tham khảo: cách diễn đạt, dùng từ, đặt câu...	Vận dụng 1. Phân tích 1 bài thơ bất kì/ 1 nhân vật trong tác phẩm truyện 2. Sưu tầm những đoạn văn hay viết về bức tranh thiên nhiên, c/s bài Cảnh ngày hè

4. Củng cố:

5. HDVN: